TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-DS ngày 15.9.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63A/2019/QĐST-DS ngày 21.9.2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: 40-42-44 đường P, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng: 158-160 đường N, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Mạnh H - Phó Phòng Phó Phòng Kinh doanh Ngân hàng TMCP K CN Đà Nẵng (Giấy quyền số 293/UQ-NHKL ngày 06.3.2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K và Giấy ủy quyền số 69/UQ-CNĐN ngày 06.3.2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP K CN Đà Nẵng). Có mặt.

*** Bị đơn**: Ông Phan Duy V, sinh năm: 1979 và bà Ngô Thị Thùy T, sinh năm: 1983; trú tại: Thôn V, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, qúa trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP K có cho ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 10 năm, ngày đến

hạn 31.7.2029; hình thức thanh toán: Vốn gốc trả 120 kỳ, trả vào ngày 31 hàng tháng, ngày trả nợ gốc 31.8.2019 theo Hợp đồng tín dụng từng lần số X 409/19/HĐTD/0500-0323 ngày 31.7.2019.

Để đảm bảo vốn vay ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP K quyền sử dụng đất tại thửa đất số N 1326 tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Phan Duy V có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 174488 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 27.8.2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số Y 409/19/HĐTC-BĐS/0500-0323 ngày 31.7.2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà T chỉ thực hiện trả được 2 kỳ nợ gốc 6.330.000 đồng, lãi trong hạn 10.347.892 đồng, lãi quá hạn 19.043 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 16.960 đồng cho Ngân hàng TMCP K, sau đó ông V và bà T không tiếp tục trả cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30.9.2019. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng đến nay ông V và bà T vẫn không thanh toán nợ vay. Ngân hàng cam kết hiện nay khoản nợ của ông V và bà T chưa được bán cho bên thứ 3 hoặc Công ty mua bán nợ.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T phải trả số tiền tính đến ngày 28.9.2020 là 557.076.697 đồng, trong đó: Nợ gốc: 493.670.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.525.593 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 2.727.528 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.153.576 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ.

Nếu ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu thì Ngân hàng TMCP K được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số N 1326 tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Phan Duy V có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 174488 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 27.8.2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số Y 409/19/HĐTC-BĐS/0500-0323 ngày 31.7.2019.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

** Ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án nên không có bản tự khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Buộc ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng TMCP Kiên Long số

tiền tính đến ngày 28.9.2020 là 557.076.697 đồng, trong đó: Nợ gốc: 493.670.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.525.593 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 2.727.528 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.153.576 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông V và bà T.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K thì thấy:

Ông Phan Duy V, bà Ngô Thị Thùy T có vay Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng tín dụng từng lần số X 409/19/HĐTD/0500-0323 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 31.7.2019, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 500.000.000 đồng,

- Lãi suất trong hạn: 03 tháng đầu 12,2%/tháng; lãi suất các tháng tiếp theo thay đổi bằng lãi suất kỳ hạn 13T+bd 4,3%/năm;.

- Lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất trong hạn.

- Mục đích sửa chữa nhà ở.

- Thời hạn vay 10 năm, ngày đến hạn 31.7.2029.

- Hình thức thanh toán: Vốn gốc trả 120 kỳ, trả vào ngày 31 hàng tháng, ngày trả nợ gốc, lãi vay đầu tiên 31.8.2019.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng từng lần số X 409/19/HĐTD/0500-0323 ngày 31.7.2019 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K và ông Phan Duy V, bà Ngô Thị Thùy T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà T chỉ thực hiện trả được 2 kỳ nợ gốc 6.330.000 đồng, lãi trong hạn 10.347.892 đồng, lãi quá hạn 19.043 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 16.960 đồng cho Ngân hàng TMCP K là ông V và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30.9.2019. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc

buộc ông V và bà T phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày tính đến ngày 28.9.2020 là 557.076.697 đồng, trong đó: Nợ gốc: 493.670.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 57.525.593 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 2.727.528 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.153.576 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 29.9.2020 cho đến khi ông V và bà T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số X 409/19/HĐTD/0500-0323 ngày 31.7.2019.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số Y 409/19/HĐTC-BĐS/0500-0323 ngày 31.7.2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP K và ông Phan Duy V, bà Ngô Thị Thùy T đúng thủ tục và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước ó thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông V và bà T đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số N 1326 tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Phan Duy V có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 174488 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 27.8.2005 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nếu ông V và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ Điều 299 Bộ luật Dân sự Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi vốn cho Ngân hàng.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

[3] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng ông Vinh và bà Trang phải chịu; Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng và chi phí xong. Ông V và bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 2.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.283.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 463 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP K đối với ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T.

Xử:

1. Buộc ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T phải trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 28.9.2020 là 557.076.697 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 493.670.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 57.525.593 đồng.

- Tiền phạt chậm trả lãi: 2.727.528 đồng.

- Tiền lãi quá hạn: 3.153.576 đồng.

Kể từ ngày 29.9.2020, ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số X 409/19/HĐTD/0500-0323 ngày 31.7.2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Nếu Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T không trả số nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP K thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số N 1326 tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Phan Duy V có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 174488 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 27.8.2005 sẽ bị phát mãi để Ngân hàng TMCP Kiên Long thu hồi nợ.

Trường hợp, sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại thì ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T vẫn phải có trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP K.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng ông V và bà T phải chịu; Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng và chi phí xong. Ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 2.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 26.283.000 đồng (hai mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn đồng) ông Phan Duy V và bà Ngô Thị Thùy T cùng phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 11.193.000 đồng (mười một triệu, một trăm chín mươi ba nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP K đã nộp theo biên lai thu số 0000184 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28.9.2020; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc bà Đỗ Nữ Lâm Hà phải trả lại cho Ngân hàng .....và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢN ÁN 43/2018/DS-ST NGÀY 07/06/2018 VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG (VAY TÀI SẢN)

Ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; trụ sở chính: Số 35, quận K, Thành phố H; địa chỉ chi nhánh Nam Bình Dương: Số 10, KCN A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Tá H, sinh năm 1983; trú tại: 3/2 ấp B, xã T, huyện T1, tỉnh Đ – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định ủy quyền ngày 02/01/2018). Có mặt.

Bị đơn: Ông Lâm Thành C, sinh năm 1984 và bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1988; cùng trú tại: 33 Lô V, Phường 8, Quận 4, Thành phố M. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thiên L, sinh năm 1972; trú tại: 132/1 ấp G, xã G3, huyện N, tỉnh N1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thực hiện việc ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là Ngân hàng V), ngày 27/4/2016 Ngân hàng thọ ơng mại cổ phần V – Chi nhánh Nam Bình Dương có ký hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với vợ chồng ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P số 485/2016/8510081/HĐTD. Theo hợp đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh Nam Bình Dương cho ông C, bà P vay số tiền 360.000.000 đồng, mục đích vay là để mua xe ô tô con, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm cố định trong 24 tháng đầu năm kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Sau đó, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách lãi suất của ngân hàng áp dụng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ vào ngày 10 tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/6/2016, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 27/4/2023 (theo lịch cụ thể hàng tháng ông C, bà P trả số tiền vay là 4.330.000 đồng).

Để đảm bảo khoản nợ trên, ông C, bà P và Ngân hàng V – Chi nhánh Nam Bình Dương ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 409/2016/8510081/HĐBĐ ngày 27/4/2016, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con hiệu Chevrolet Aveo LT, số khung RlISF69YDGH933520, số máy F15S3160110011, biển số 51F-408.85 do Phòng CSGT-ĐS Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/2016 cho ông Lâm Thành C. Tài sản thế chấp đọ ợc đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 27/3/2008 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà P đã thanh toán được cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ vay là 99.846.624 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 60.620.000 đồng, số tiền lãi là 39.226.624 đồng (từ ngày 13/6/2016 đến ngày 21/7/2017) thì ngưng không thanh toán cho đến nay nên dẫn đến khoản nợ vay bị quá hạn và chuyển thành nợ xấu. Tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 07/6/2018 là 327.309.357 đồng, trong đó nợ gốc là 299.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.936.074 đồng và lãi quá hạn là 993.283 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 327.309.357 đồng, trong đó nợ gốc là 299.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.936.074 đồng và lãi quá hạn là 993.283 đồng.

Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD kể từ ngày 08/6/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần V đọ ợc quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm hợp pháp của ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P là chiếc xe ôtô hiệu Chevrolet AveoLT, biển số 51F-408.85 để thu hồi nợ.

Bị đơn – ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thiên L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Lâm Thành C, bà Trần Thị Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thiên L vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 409/2016/8510081/HĐBĐ ngày 27/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P thể hiện nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần V có ông C, bà P vay số tiền 360.000.000 đồng, mục đích vay là để mua xe ô tô con, thời hạn vay là 84 tháng, có thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô con hiệu Chevrolet Aveo LT, số khung RllSF69YDGH933520, số máy F15S3160110011, biển số 51F-408.85 nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại điểm b mục 8 Hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016 đợc giao kết giữa Ngân hàng V với ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà P đã thanh toán được cho Ngân hàng V được số tiền vay gốc là 60.620.000 đồng, số tiền lãi là 39.226.624 đồng. Kể từ ngày 21/7/2017 đến thời điểm Ngân hàng V khởi kiện, ông C, bà P không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, nhợ vậy ông C, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng V. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 327.309.357 đồng, trong đó nợ gốc là 299.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.936.074 đồng và lãi quá hạn là 993.283 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 409/2016/8510081/HĐBĐ ngày 27/4/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P đợc ký kết với ngợi có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông C và bà P đã dùng tài sản là chiếc xe ô tô con hiệu Chevrolet Aveo LT, số khung RllSF69YDGH933520, số máy F15S3160110011, biển số 51F-408.85 do ông Lâm Thành C đứng tên trên giấy đăng ký xe ô tô để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay ông C, bà P không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ.

[4] Tiền lãi đợc tiếp tục tính kể từ ngày 08/6/2018 cho đến khi ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016.

[5] Đối với hợp đồng cho vay tiền ngày 23/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thiên L với ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P do nguyên đơn cung cấp có thể hiện nội dung: "...Ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô con hiệu Chevrolet Aveo LT, số khung RllSF69YDGH933520, số máy F15S3160110011, biển số 51F-408.85 và giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bà Nguyễn Thị Thiên L…". Xét quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Thành C, bà Trần Thị Ngọc P và bà Nguyễn Thị Thiên L đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh về tài sản thế chấp nên không xem xét trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015).

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thqơng mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P.

Buộc Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016 là 327.309.357 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 299.380.000 đồng, nợ lãi trong hạn 26.936.074 đồng và lãi quá hạn là 993.283 đồng.

Trqờng hợp ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P không thanh toán nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là chiếc xe ôtô con hiệu Chevrolet Aveo LT, số khung RlISF69YDGH933520, số máy F15S3160110011, biển số 51F-408.85 do ông Lâm Thành C đứng tên trên giấy đăng ký xe ôtô theo hợp đồng thế chấp tài sản số 409/2016/8510081/HĐBĐ ngày 27/4/2016.

Tiền lãi đqợc tiếp tục tính kể từ ngày 08/6/2018 cho đến khi ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P trả xong các khoản nợ mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 485/2016/8510081/HĐTD ngày 27/4/2016.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Thành C và bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 16.365.467 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 7.836.966 đồng (Bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018410 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …. giờ …. phút, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gạt

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 106/2018/TLST- DS ngày 07/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Sáu, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Xã Cuôr Đăng, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Hùng, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 63 Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng- Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Hạnh; Địa chỉ: Thôn Nhơn Thọ 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng xét xử:

- Ông Nguyễn Văn Gạt: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Ta đối với ông Nguyễn Quang Hạnh.

- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Ta đối với ông Nguyễn Quang Hạnh.

- Ông Vũ Hồng Hải: Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Ta đối với ông Nguyễn Quang Hạnh.

Sau khi thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử đều thống nhất biểu quyết 3/3 và quyết định các nội dung sau:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tiền của bà Nguyễn Thị Ta đối với ông Nguyễn Quang Hạnh.

Tuyên xử: Buộc ông Nguyễn Quang Hạnh phải trả cho bà Nguyễn Thị Ta Thu số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000 đồng, ông Nguyễn Quang Hạnh phải chịu.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Sáu số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng, theo biên lai thu số 0002012 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 16 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**